TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2017
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Bình.
2. Ông Phạm Hồng Vũ.
Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1990, trú tại: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T** - Luật gia - Hội viên Hội luật gia tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Ông **Phan Tấn T**, sinh năm 1989, trú tại: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre

Tất cả có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà và ông Phan Tấn T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29-12-2009. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn bà có khuyên nhủ ông nhưng không được nên đã ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên là Phan Thị Thảo V, sinh ngày 24-9-2010, hiện cháu V đang sống với ông T nên sau khi ly hôn thì bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà hiện nay đang làm công nhân may gia công thu nhập bình quân 3.000.000đ/tháng.

Tài sản chung:

- Vợ chồng có 80.000.000 đồng tiền vốn mua 40 heo con, trước khi bà bỏ đi. Nay bà yêu cầu ông T chia cho bà 20.000.000 đồng này, còn lại để cho ông T quản lý, sử dụng.

- Vợ chồng có 01 chiếc xe exiter mua 42.000.000 đồng, ông T đã bán được 28.000.000 đồng, nay yêu cầu ông T chia 10.000.000 đồng.

- Vợ chồng có tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k 9999, trước lúc bà đi ông T giữ, nay xin rút yêu cầu chia 05 chỉ vàng.

Nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Phan Tấn T trình bày:

Ông và bà Võ Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn, nguyên nhân ly thân là do bà T bỏ nhà đi từ tháng 9-2015 và ly thân từ đó đến nay.

Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được.

Con chung tên Phan Thị Thảo V, sinh ngày 24-9-2010 ông yêu cầu được nuôi con vì hiện tại cháu V đang sống chung với ông, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, hiện nay ông đang làm thợ cửa nhôm thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung:

- Vợ chồng có 80.000.000 đồng tiền vốn mua 40 heo con, trước khi bà T bỏ đi. Nay bà T yêu cầu ông chia cho bà 20.000.000 đồng này, còn lại để cho ông quản lý, sử dụng ông không đồng ý vì ông đã sử dụng tiền bán heo để trả nợ thức ăn, nợ ngân hàng. Tại tòa ông cho rằng tiền này đầu tư nuôi heo tiếp bị lỗ nên không đồng ý chia.

- Vợ chồng có 01 chiếc xe exiter mua 42.000.000 đồng, ông đã bán được 28.000.000 đồng nay bà T yêu cầu ông chia 10.000.000 đồng. Ông T đồng ý chia cho bà T 10.000.000 đồng.

-Vợ chồng có tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k 9999, trước lúc bà T đi ông giữ, hiện ông đã bán lấy tiền để nuôi con, nay bà T rút yêu cầu ông không ý kiến gì.

Nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật gia bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phát biểu quan điểm:

Hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T, anh T.

Tài sản chung: Chị T yêu cầu chia 20.000.000 đồng tiền vốn bán heo và 10.000.000 đồng giá trị chiếc xe, không yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k 9999 là đã thiệt thòi cho chị T. Do tiền vốn nuôi heo anh T thừa nhận tài sản chung nên đề nghị chia cho chị T 20.000.000 đồng, 10.000.000 đồng giá trị chiếc xe, anh T đồng ý đề nghị chia cho chị T 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Con chung: Đề nghị giao cháu Thảo V cho chị T nuôi do chị T có đủ điều kiện nuôi con, do cháu còn nhỏ và là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :

Về thủ tục tố tụng: việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát còn trễ hạn.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị: Áp dụng Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 28, 29, 33,34,35, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T, giao con chung tên Phan Thị Thảo V, sinh ngày 24-9-2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k 9999, yêu cầu nhận lại 8.100.000 đồng, buộc anh T trả cho chị T 20.000.000 đồng tiền vốn nuôi heo, ghi nhận anh T trả cho chị T 10.000.000 đồng tiền bán xe. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của bà T và ông T hạnh phúc một thời gian thì bà T bỏ nhà đi từ tháng 9-2015 đến nay. Tại Tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn. Ông T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc ly hôn giữa bà T và ông T không cải thiện được tình cảm vợ chồng, ông T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T có 01 con chung tên Phan Thị Thảo V, sinh ngày 24-9-2010. Bà T và ông T đều yêu cầu nuôi con, không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông bà đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu Thảo V hiện nay đang sống với ông T nên nhằm tạo điều kiện cho cháu V phát triển ổn định về thể chất và tinh thần nên giao cháu V cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Việc ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3. Về tài sản chung:

3.1 Vợ chồng bà T ông T thống nhất có tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k 9999, trước lúc bà T đi ông T giữ. Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k 9999 xét thấy việc rút yêu cầu là phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

3.2 Vợ chồng bà T ông T có 80.000.000 đồng tiền vốn mua 40 heo con, trước khi bà T bỏ đi. Nay bà T yêu cầu ông T chia cho bà 20.000.000 đồng này, còn lại để cho ông T quản lý, sử dụng; Ông T không đồng ý chia. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông T đều thống nhất trước khi ông bà ly thân ông bà có bỏ 80.000.000 đồng mua 40 con heo con để nuôi, nên xác định đây là tài sản chung của ông bà. Ông T đã nuôi heo, bán heo lấy được vốn là 76.000.000 đồng nếu tính cả phần công sức chăn nuôi heo của ông T khi bà T bỏ đi, bình quân mỗi tháng 3.000.000 đồng, 04 tháng nuôi heo là 12.000.000 đồng thì việc bà T yêu cầu 20.000.000 đồng chưa vượt ½ khối tài sản chung nên yêu cầu là có cơ sở. Ông T có nghĩa vụ trả lại cho bà T 20.000.000 đồng.

3.3 Vợ chồng bà T ông T có 01 chiếc xe exiter mua 42.000.000 đồng, ông T đã bán được 28.000.000 đồng, bà T yêu cầu ông T chia 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T và bà T đều thống nhất chiếc xe là tài sản chung, hiện nay xe đã bán và cả hai đều thống nhất giá bán là 28.000.000 đồng, ông T đồng ý chia cho bà T 10.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh nên chấp nhận yêu cầu của bà T chia 10.000.000 đồng, ông T có nghĩa vụ trả lại cho bà T 10.000.000 đồng tiền bán xe máy.

4. Về nợ chung: Ông T và bà T trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Đề nghị của luật gia phù hợp một phần nên được chấp nhận một phần, theo như nhận định ở trên.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát phù hợp nhận định của tòa nên được chấp nhận.

[7] Án phí : Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 217, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 28, 29, 33, 35, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, 48 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T đối với ông Phan Tấn T. Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Phan Tấn T.

Về con chung: Ông Phan Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Thị Thảo V, sinh ngày 24-9-2010, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu.

Bà Võ Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k 9999.

- Ông T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tiền vốn mua heo con, 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền bán xe máy.

- Về nợ chung: Không có.

"Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

Về án phí:

- Bà Võ Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0003470 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Bà Võ Thị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.725.000 (một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003471 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phan Tấn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre*;
- *VKSND H. Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS H. Mỏ Cày Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên